

VẤN ĐỀ DÂN TỘC ĐẶT RA CHO NGƯỜI CÔNG GIÁO

Vào thập kỉ 60, 70, Công giáo ở miền Nam dấy lên phong trào *Tim về Dân tộc* rất mạnh mẽ, đi đầu là các trí thức Công giáo tiến bộ, yêu nước. Nguyễn Tử Lộc trên Tạp chí *Đất nước* số 8, 12/1968 và sau đó trên sưu tập *Một số vấn đề đặt cho người Việt Nam Công giáo*, do nhóm Công giáo và Dân tộc phát hành tại Paris, 1970, đã có bài viết được nhiều người quan tâm. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* xin trích đăng lại một số phần bài viết này của tác giả.

NGUYỄN TỬ LỘC

...

LỊCH SỬ MỘT TRUYỀN THỐNG

Đạo Công giáo đã có mặt ở Việt Nam từ thế kỉ XVI. Sự truyền đạo Công giáo vào Việt Nam và sự phát triển của đạo trong đời sống xã hội Việt Nam đã khiến đạo có một tính rất ngoại quốc đối với phần còn lại của dân tộc. Tính chất ngoại quốc gồm cả hình thức đến nội dung, từ lễ nghi, nghệ thuật đến lối sống, tín ngưỡng. Đạo Công giáo có vẻ rất Tây, từ câu kinh Latinh đến các ảnh tượng thờ, đến kiểu kiến trúc giáo đường, đến quan niệm về con người và vũ trụ. Nó đối lập từng điểm với các tín ngưỡng đã có ở Việt Nam, một cách toàn diện, nói đúng hơn, một cách bạo động. Theo đạo đòi hỏi dứt khoát với tất cả, kể cả sự thờ cúng ông bà, kể cả niềm tin vào sự linh thiêng và công ơn của tổ tiên – mà ngược lại, chẳng hạn, phải chấp nhận ý niệm tội tổ tông. Nhưng nếu đó là những đặc điểm duy nhất, thì không khác những quan niệm hay chủ nghĩa cực đoan, đòi dứt khoát hoàn toàn với quá khứ tinh thần và vật chất thoái hoá, đòi đoạn tuyệt với cuộc đời cũ, như chủ nghĩa cộng sản, hay trên một trình

độ yếu hơn, chủ nghĩa tư sản. Cái bi đát sẽ mang tới nhiều chuyện cho Công giáo là sự truyền đạo trùng hợp với sự xâm lăng của Tây phương vào đất nước ta. Các cố đạo Tây vào nước ta cùng với những nhà buôn đi tìm thị trường ở xứ này. Sự can thiệp võ trang vào đất nước ta đưa đến sự đô hộ đều chính thức căn cứ vào nguyên do cấm đạo. Giới thừa sai lợi dụng các nhà buôn và quân đội xâm lăng để truyền đạo, hay các nhà buôn lợi dụng đạo để mở đường cho xâm lấn. Theo những sự kiện lịch sử được trình bày, thì đó là hai mặt của phong trào thực dân, hai khía cạnh ý thức hệ và khía cạnh kinh tế của sự bành trướng của chủ nghĩa tư bản Tây phương. Khi người Pháp đã lập được nền đô hộ lên nước ta, đạo được dịp tự do bành trướng với tất cả sự dễ dãi và nâng đỡ của thực dân. Giáo hội mà người Việt thường gọi là Nhà Chung, không những tìm cách bành trướng thế lực tinh thần, gia tăng số giáo dân, mà còn mở mang thế lực vật chất, ruộng đất, của cải. Những lạm dụng đã xảy ra gây điều đứng cho giới nông dân...

Trong những điều kiện như vậy, tính chất ngoại quốc của đạo Công giáo đi đôi với tính chất thực dân của Pháp đã gây ra thái độ ác cảm, thù ghét của những phong trào dân tộc chống Pháp giành độc lập. Các vụ cấm đạo từ thời Minh Mạng, sự đốt phá các làng Công giáo dưới thời Văn thân, hay các biến cố từ 1945 đối với các xứ đạo, đều nhìn Công giáo như là dụng cụ thống trị của thực dân Pháp. Đó là những phản ứng bạo động của những cuộc nổi dậy. Còn trong những thời ổn định, cái tâm trạng nghi kỵ, ác cảm vẫn tồn tại, khiến cho tương quan Lương – Giáo, bên đạo và “đời” ít khi là những tương quan thân thiện. Sự cô lập của người Công giáo trong đời sống dân tộc tăng lên thay vì giảm đi do kết quả của những phản ứng tự vệ và tấn công. Trong nền kinh tế nông nghiệp cổ truyền, nhờ sự tự túc kinh tế, người ta càng phát triển sự tự túc văn hoá, cắt đứt liên hệ với các giao dịch giữa các xứ đạo hay các khu vực đạo với những làng khu không Công giáo. Dưới sự lãnh đạo của Hội truyền giáo ngoại lai, thái độ ác cảm hồ tương không hề tìm cách giải quyết. *Cái vòng luẩn quẩn của những tương quan bạo động Công giáo - không Công giáo nằm trong tương quan bạo động Dân tộc - Thực dân không có lối thoát.* Vì bị thực dân lợi dụng để làm lợi khí thống trị, người Công giáo trở thành đối tượng “Việt gian, tay sai thực dân” của các lực lượng dân tộc tranh đấu, nhưng vì bị đe dọa tiêu diệt, người đi đạo cần đến sự che chở của người ngoại quốc - điều mà ngoại quốc luôn luôn sẵn sàng cung cấp để tiếp tục lợi dụng người bản xứ chống người bản xứ, để tiếp tục chính sách chia để trị,

“nuôi ong tay áo”. Tình trạng bạo động với kết quả cụ thể, là hàng chục ngàn người tử vì đạo trong suốt thời gian ban đầu mà thôi chắc chắn đã in vào vô thức của các tín đồ Kitô giáo. Điều đó giúp ta hiểu phần nào cái tâm thức tuần đạo, sống chết với đạo có một cái vẻ tuyệt vọng phi lí. Cái tâm thức đó còn tồn tại cho đến ngày nay, ở trong cuộc di cư 1954 hay trong thái độ thà chết chứ còn hơn sống với Cộng sản, hay trong phản ứng đối với các biến cố Phật giáo vài năm qua.

Các điều kiện lịch sử văn hoá của cả một thời gian dài mấy thế kỉ đã tạo ra một *thái độ chính trị truyền thống* của Công giáo Việt Nam. Dựa vào một phong trào thực dân để thiết lập, dựa vào thế lực thực dân để phát triển và sống còn, gần gũi với Tây phương trong tín ngưỡng tôn giáo, thái độ thân Tây phương là thái độ căn bản, trong vô thức cũng như trong ý thức, trong tình tự cũng như trong suy luận của đại đa số người theo Kitô giáo. Trong những điều kiện như vậy, chẳng những người Việt Nam theo đạo đã bị lợi dụng cho những mục tiêu bất chính của chủ nghĩa thực dân, mà chính Kitô giáo trong bản chất tôn giáo cũng bị lợi dụng, biến tướng sai lệch, không sao phát triển tinh thần của nó.

Kitô giáo ở Việt Nam được khai sinh cùng lúc với công cuộc thực dân ở Việt Nam và bị lợi dụng bởi thực dân một cách rất hiểm độc và tàn hại với dân tộc, trong đó có đồng bào Việt Nam theo Kitô giáo. Điều đó không có nghĩa là tự bản chất, đạo Kitô là phản bội quốc gia, phản bội dân tộc và do đó, muốn bảo vệ dân tộc, quốc gia phải tiêu diệt Kitô giáo. Chính

kế hoạch lợi dụng đạo và những người Việt theo đạo Kitô giáo vào công cuộc chinh phục, bình định và thống trị dân tộc của thực dân, đế quốc, đã mang lại cho đạo Kitô ở Việt Nam *đặc tính bạo động* nguy hại kể trên. Yếu tính của mọi tôn giáo là xây dựng con người, và xây dựng con người ở trong điều kiện sinh hoạt lịch sử của con người, tức là trong lòng dân tộc (và trong lòng gia đình các dân tộc bình đẳng tức là nhân loại), cho nên khi tôn giáo bị dùng vào các mục đích bất chính là nô lệ hoá dân tộc, tôn giáo đó đã bị phản bội. Trong khi đó ở chính phương Tây, Kitô giáo trưởng thành đều mang tính chất dân tộc để phụng sự con người và dân tộc, sự tiếp tục thái độ chính trị sai lầm của một truyền thống bị thực dân lợi dụng sẽ là một chính sách quái đản, chính sách phản đạo và phản quốc. Hậu quả của chính sách đó là gì, dân tộc Việt Nam và người Công giáo Việt Nam từ thời Minh Mạng, thời Văn thân, thời Pháp thuộc, thời Việt Minh, thời Ngô Đình Diệm đã thấy rõ.

Cuộc chiến hiện tại đã và đang đặt Công giáo và các thành phần dân tộc khác trước đòi hỏi: xét lại thái độ chính trị truyền thống, tiến tới lập trường tiến bộ, dân tộc. Nền hoà bình nhân đạo ở Việt Nam, nền hoà bình dân tộc và dân chủ mà mọi người Việt Nam mong đợi đòi hỏi thái độ chính trị mới.

ĐƯỜNG VỀ DÂN TỘC

Vấn đề trên không xa lạ với những người Công giáo tiến bộ trong giới tu sĩ hay giáo dân. Năm 1952, một linh mục Việt Nam đã phát biểu: “Giáo hội (VN) chỉ là một giáo hội Pháp hải ngoại nếu

không thì Giáo hội Tây Ban Nha hải ngoại vì sao ngày nay người ta không thể không nhận ra tính cách chế tạo tại ngoại quốc của Giáo hội Việt Nam không những khi nhìn thấy số lượng quá ít ỏi của các giám mục sau ba, bốn trăm năm giáo sử, và tất cả những nhiệm vụ quan trọng còn nằm trong tay giới truyền giáo ngoại quốc, mà cả khi nhìn cách nói năng, hành văn của Giáo hội, hình thức của lễ nhạc, lối suy tư thần học và triết học... Quả thực người tín hữu Việt Nam không sống trong lòng xã hội Việt Nam”⁽¹⁾.

Ý thức về tính chất ngoại quốc, phi dân tộc của mình là sự tự phê can đảm. Nó mở đường cho một biến đổi toàn diện, một phục sinh: sự phục sinh của cái cây khô héo đã được trồng xuống đất lạnh sau khi đã “cắm rễ vào lòng dân tộc”.

Nhưng vấn đề không thể giới hạn trong lãnh vực tôn giáo, văn hoá, nó liên hệ tới lãnh vực chính trị xã hội nếu không phải là đã bị quyết định bởi lãnh vực chính trị xã hội. Như người viết đã trình bày ở phần trên, cái đau nhức của Công giáo trong lòng xã hội Việt Nam là thái độ chính trị truyền thống, vì thế, con đường về dân tộc trước hết là trở về thái độ chính trị dân tộc mà thái độ chính trị truyền thống đã từ bỏ, là thi hành chính trị dân tộc, từ bỏ cái mà một truyền thống bị thực dân lợi dụng đã tạo thành một mặc cảm tình tự hướng về Tây phương để sống còn và phát triển, cái tình tự nghi hoặc, sợ hãi những bất trắc của cấm đạo, thủ tiêu do những lực lượng dân tộc.

Nếu một cái nhìn ném về quá khứ giáo

1. Hoa sen trong biển lửa, tr. 103.

sử chưa đủ thuyết phục sự phi lí của thái độ trên, chúng ta nên xét ngay thực trạng để đánh đổ hai thành kiến gốc trong thái độ chính trị hiện tại của Công giáo: thành kiến về Hoa Kỳ, thành kiến về Cộng sản.

...

ĐIỀU KIỆN CĂN BẢN: THAY ĐỔI QUAN NIỆM CŨ VỀ ĐẠO, VỀ ĐỜI

Lướt thảng các trở lực tâm lí, xã hội để vô tư suy nghĩ, không phải là việc dễ dàng. Không phải việc ngẫu nhiên mà sự phê bình chỉ trích của vài cá nhân đối với một tập thể cố kết và bảo thủ như Công giáo chỉ gặp những phản ứng tiêu cực, bạo động chống lại, rồi hầu như đầu lại vào đó. Nhưng từ bỏ cách đặt vấn đề bằng đối thoại, bằng chữ nghĩa, rất nhân đạo, thì chỉ còn con đường phê bình bằng vũ khí, sức mạnh. Nếu những người trí thức tiến bộ có gây những khó chịu cho những đoàn thể lâu đời, có “nên nẹp nho phong”, có lực lượng, có tài sản lớn, hay những chế độ có đủ quân đội, công an mạnh, thì các chế độ, các giáo hội ấy vẫn phải hiểu rằng họ đã được đối xử rất xây dựng, thân thiện. Chỉ những người mù quáng hay những đoàn thể cố chấp đến chỗ ngu dốt mới tẩy chay, bỏ tù những người trí thức hay những đầu óc trẻ muốn xây dựng một cách nhân đạo, bằng cách giáo dục và sửa đổi tâm hồn, nhằm đưa tới những thay đổi đẹp đẽ, tiến bộ, không đổ máu, không tốn kém vì bạo động, khi làm như vậy, họ mở đường cho cách mạng bạo động, họ làm đổ máu, họ tạo ra sát nhân. Lịch sử chỉ là tấm gương soi những sự u mê, những xung đột, đổ máu không cần thiết, vì nếu người ta không phí phạm năng lực sáng tạo vào những chuyện

không cần thiết đó, vào những chiến tranh không chính nghĩa thì cuộc đời đã khác hẳn hôm nay. Chuyện đã qua không thể cứu vãn, nhưng ngày hôm nay chúng ta cần áp dụng bài học lịch sử đó để giải quyết chiến tranh trên đất nước này.

Người Việt đã phải bạo động để giành độc lập, để đuổi thực dân Pháp ra khỏi đất nước mình. Người Việt đã phải bạo động để người Mỹ tôn trọng chủ quyền dân tộc Việt Nam. Trong các cuộc bạo động để tự vệ hết sức chính đáng này, các lực lượng ái quốc đã đối xử thù nghịch đối với người Công giáo thực sự, không phải vì lí do tôn giáo, mà chỉ vì người Công giáo đã bị Tây phương lợi dụng như một dụng cụ để thực hiện kế hoạch xâm lăng và thống trị. Lỗi không phải ở đạo Kitô, không phải ở đồng bào Việt Nam theo Kitô giáo, mà lỗi ở chủ trương của thực dân đế quốc đã xử đạo và người Việt theo đạo để nô lệ hoá dân tộc. Có mưu mô nào đáng kết án hơn.

Nhưng vấn đề không phải là trách thực dân hay ngoại bang. Thực dân là thực dân, ngoại bang là ngoại bang. Vấn đề thiết thực là tự trách mình đã để bị lợi dụng. Sự cô lập, sự ác cảm, đôi khi sự bách hại người Công giáo bởi chính đồng bào Việt Nam không phải là cái có để đi theo người ngoại quốc, xin sự che chở của họ, nhờ tay họ trả thù, và giúp họ xâm lăng dân tộc. Khi các cố Tây sang đây, hoặc khi Giáo hội Việt Nam còn ở trong tay người ngoại quốc nên dễ bị lãnh đạo sai, vấn đề còn có thể hiểu được. Nhưng khi các Giáo hội Công giáo Việt Nam đã trưởng thành, chẳng lẽ họ không đọc lại lịch sử để rút ra bài học lịch sử cho hiện

tại hay sao. Những bạo động mà người Kitô giáo phải chịu ở Việt Nam trong quá khứ và trong hiện tại, không cho họ thấy rằng đó là kết quả của thái độ chính trị truyền thống sai lầm, và vấn đề giờ đây là chấm dứt sự lợi dụng người Công giáo bởi thực dân, chống lại người Việt hay sao. Người Mỹ tin dùng người Công giáo cũng như thời người Pháp trước, nhưng khi họ bị buộc rút khỏi Miền Nam, điều mà cuộc giải thực tất nhiên đưa tới sớm hay muộn, số phận đạo Công giáo sẽ ra sao? Tôi không có ý nói đến sự tàn sát không xảy ra – vì đã tàn sát nhau nhiều quá rồi trong chiến tranh, tôi nói đến mặc cảm vong quốc nơi người Công giáo lúc đó sẽ toàn diện. Và lúc đó thì không bao giờ hi vọng làm một yếu tố trong văn hoá dân tộc, đâm rễ vào đời sống xã hội một cách có ý nghĩa, một cách có mặt, hân hoan tự hào trong lòng xã hội. Trong viễn tượng một xã hội dân chủ dân tộc phong phú, đó là một chuyện đáng buồn nếu xảy ra. Và không có gì thảm hại hơn một sự hiện hữu cô lập, tăm tối, âm thầm, ở bên lề sinh hoạt dân tộc – như tình cảnh thực của đạo Công giáo trước đây.

Tôi muốn đặt vấn đề với các nhà lãnh đạo Công giáo vì tôi nghĩ họ quyết định thái độ và số phận của giáo dân. Vấn đề đó chính là vấn đề dân tộc. Nhu cầu tự phê bình những chuyện đã làm và đang làm của Công giáo lúc này đã quá cần

thiết để tránh sự tiếp tục chính sách tổn thương tới dân tộc, tới chính người Công giáo và chính đạo Công giáo. Sự tự phê bình thành khẩn và can đảm, sự nhìn nhận sự sai lầm căn bản của thái độ chính trị truyền thống là điều kiện cần thiết để chấm dứt sự vắng mặt, sự tiêu cực, tính chất ngoại quốc của Công giáo trong đời sống dân tộc trong hiện tại. Chỗ đứng trong dân tộc chỉ dành cho những thành phần ý thức mình là thành phần của dân tộc và hành động để phục vụ dân tộc, chống mọi chính sách và lực lượng chống dân tộc.

Điều đó cũng mở ra triển vọng hoà bình cho dân tộc Việt Nam, một nền hoà bình xây dựng trên sự kết hợp và dung hợp của mọi thành phần dân tộc trong một phương thức dân chủ. Như một trí thức Phật tử tiến bộ đã nhận định:

“Con đường của người Công giáo Việt Nam đã được vạch rõ, con đường thông cảm và hoà hợp với các thành phần khác của dân tộc, không nương tựa vào chính trị ngoại bang. Con đường của người Phật giáo Việt Nam cũng không khác hơn là con đường ấy”⁽²⁾. Dân tộc phải là quỹ tích của tất cả mọi thành phần Việt Nam, không phải chỉ của người Công giáo người Phật giáo, mà của các tôn giáo khác, các đảng phái khác./.

2. Thích Nhất Hạnh, *Sđd*, tr. 118.